

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 11/12/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản chung, nợ chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trịnh Văn Lộc

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham
gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét
xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07
tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung,
nợ chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ,
ngày 22/11/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị Ngọc C, sinh năm 1993. Địa chỉ: Nhà không
số, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Đoàn Văn R, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số B, khóm K,
phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh T2 – Địa chỉ: số C, khóm T,
phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền chị Quách Thảo N, sinh năm 1997; Địa chỉ:
số C, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2/ Ngân hàng C1 (CSXH) Việt Nam.

Địa chỉ: A L, phường H, quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết T, Chức vụ: Tổng Giám
đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Duy T1, sinh năm 1979. Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã V. Địa chỉ: Đường N, Khóm A, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024 (BL01) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C trình bày: Chị Phạm Thị Ngọc C và anh Đoàn Văn R tổ chức đám cưới vào năm 2011 theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 14/05/2011 tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị C có 03 con chung gồm: cháu Đoàn Thanh G (nam), sinh ngày 16/05/2012; cháu Đoàn Thúy Q (nữ), sinh ngày 28/09/2016; cháu Đoàn Thúy L (nữ), sinh ngày 27/01/2019. Từ lúc cưới nhau vợ chồng chị C sống tại nhà riêng ở khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Những năm tháng đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì không còn hạnh phúc, cả hai bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh R không lo chí thú làm ăn nên cả hai đã sống ly thân, không liên lạc qua lại với nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Nay nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu Tòa án giải quyết: về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn R. Về con chung: chị C yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giao cháu Đoàn Thanh G (nam), sinh ngày 16/05/2012; cháu Đoàn Thúy Q (nữ), sinh ngày 28/09/2016; cháu Đoàn Thúy L (nữ), sinh ngày 27/01/2019 cho anh R tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu G, Q, L đủ 18 tuổi và chị C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: số tiền 20.000.000 đồng, chị C đồng ý giao lại cho ông R 10.000.000 đồng. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Chính sách 20.000.000 đồng và tiền lãi; nợ của ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 57.221.000 đồng bà C đồng ý chia đôi số nợ chung.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/02/2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Đoàn Văn R trình bày: Anh R thừa nhận về thời gian chung sống và kết hôn như chị C trình bày là đúng. Quá trình chung sống có 03 con chung là cháu Đoàn Thanh G (nam), sinh ngày 16/05/2012; cháu Đoàn Thúy Q (nữ), sinh ngày 28/09/2016; cháu Đoàn Thúy L (nữ), sinh ngày 27/01/2019 hiện đang do anh R nuôi dưỡng; Về tài sản chung: tôi có đưa cho bà C số tiền 20.000.000 đồng để mua vàng. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng C1 số tiền là 20.000.000 đồng và tiền lãi do hai vợ chồng đứng ra vay về để nuôi heo và nuôi tôm; còn nợ tiền thức ăn của cửa hàng T3 số tiền 57.221.000 đồng.

Nay tại phiên tòa anh Đoàn Văn R có yêu cầu phản tố như sau: Về quan hệ hôn nhân: anh R đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung: yêu cầu được nuôi các

con chung, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: yêu cầu chị C trả cho anh R 10.000.000 đồng là tiền tài sản chung. Về nợ chung: yêu cầu chia đôi số nợ chung.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1 – Phòng giao dịch thị xã V cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Duy T1 trình bày.

Ngày 20/11/2022 anh Đoàn Văn R và chị Phạm Thị Ngọc C có ký kết hợp đồng vay vốn với N1 – Phòng giao dịch thị xã V, cho vay hộ nghèo. Số tiền cho vay: 20.000.000 đồng. Ngày đến hạn cuối cùng 20/11/2025. Hiện nay anh R và chị C đang yêu cầu giải quyết việc ly hôn, trong quá trình giao dịch còn nợ lại Ngân hàng C1 số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi 472.412 đồng.

Nay Ngân hàng C1 có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Đoàn Văn R và chị Phạm Thị Ngọc C phải thanh toán cho Ngân hàng C1 số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 11/12/2024 là 472.412 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đại H – Chủ hộ kinh doanh Tân Quang M cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Quách Thảo N trình bày:

Từ ngày 02/4/2018 đến 04/8/2023 ông Trần Đại H (chủ hộ kinh doanh Tân Quang M) và anh R, chị C có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản. Đến ngày 01/01/2023 thì 2 bên giao kết hợp đồng mua bán. Theo đó các bên thống nhất thỏa thuận ông H sẽ cung cấp các mặt hàng có bán tại cửa hàng cho anh R, chị C theo đơn đặt hàng. Đơn giá được thông báo trực tiếp với anh R, chị C trên từng mặt hàng theo đơn hàng của anh R, chị C và được xác nhận theo từng thời điểm, có ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại cửa hàng T3. Anh R, chị C đến nhận hàng hoặc nhờ người nhà đến lấy hàng. Sau khi nhận hàng thì kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá và ký tên vào sổ giao nhận hàng. Phương thức thanh toán được thỏa thuận sau khi lên tôm thì phải thanh toán dứt điểm tiền nợ. Trường hợp nuôi tôm thất vẫn không làm mất nghĩa vụ thanh toán. Trường hợp tôm lên không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ, ông H có quyền yêu cầu thanh toán một phần để giảm tiền nợ nhưng không thực hiện thì ông H có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu anh R, chị C thanh toán dứt điểm tiền nợ. Hiện nay anh R, chị C đang yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, trong quá trình giao dịch hai vợ chồng còn nợ lại ông H số tiền 57.221.000 đồng. Nay ông H có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Đoàn Văn R và chị Phạm Thị Ngọc C phải thanh toán cho ông Trần Đại H số tiền còn nợ là 57.221.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh R thống nhất thuận tình ly hôn. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tài sản chung gồm 20.000.000 đồng, hiện đang do chị C quản lý, buộc chị C giao lại cho anh R 10.000.000 đồng. Về nợ chung: Buộc chị C và anh R có nghĩa vụ thanh toán nợ chung cho Ngân hàng C1 và cho ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M. Về án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị C theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 22/01/2024 chị Phạm Thị Ngọc C yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn R có nơi cư trú tại khóm K, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: khi thụ lý xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C, nhận thấy chị C và anh R tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2011 và có đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân Phường K, thị xã V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2011. Quan hệ hôn nhân của chị C và anh R không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Chị C nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh R nên có nguyện vọng ly hôn và bị đơn anh R cũng đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C và anh R được thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Chị C và anh R xác định quá trình chung sống với nhau có 03 người con chung gồm: cháu Đoàn Thanh G (nam), sinh ngày 16/05/2012; cháu Đoàn Thúy Q (nữ), sinh ngày 28/09/2016; cháu Đoàn Thúy L (nữ), sinh ngày 27/01/2019 hiện đang do anh R trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C đồng ý giao các con chung cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con; anh R đồng ý nuôi các con chung đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con (theo ý kiến của cháu G, cháu Q) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị C và anh R xác định có 20.000.000 đồng, hiện đang do chị C quản lý và chị C thống nhất giao lại cho anh R số tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Đoàn Văn R có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị C phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về nợ chung: Chị C và anh R xác định còn nợ Ngân hàng C1 – Phòng giao dịch thị xã V số tiền 20.000.000 đồng và nợ lãi là 472.412 đồng; Nợ ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh T2 số tiền 57.221.000 đồng.

- Đối với nợ Ngân hàng C1:

+ Chị Phạm Thị Ngọc C đồng ý trả cho Ngân hàng C1 số tiền còn nợ là 10.236.206 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

+ Anh Đoàn Văn R đồng ý trả cho Ngân hàng C1 số tiền còn nợ là 10.236.206 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 12/12/2024) chị Phạm Thị Ngọc C và anh Đoàn Văn R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng số 6600000724392262 ngày 20/11/2022.

- Đối với nợ của ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh T.

+ Chị Phạm Thị Ngọc C đồng ý trả cho ông Trần Đại H số tiền còn nợ là 28.610.500 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng).

+ Anh Đoàn Văn R đồng ý trả cho ông Trần Đại H số tiền còn nợ là 28.610.500 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị C, anh R phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh R phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm do các đương sự thuận tình ly hôn với nhau. Chị C và anh R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tài sản được nhận và trên số nợ phải thanh toán theo quy định tại điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1 và ông Trần Đại H – chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

[9] Xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 213, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc C; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Đoàn Văn R; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1; chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Ngọc C và anh Đoàn Văn R thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao các cháu Đoàn Thanh G (nam), sinh ngày 16/05/2012; cháu Đoàn Thúy Q (nữ), sinh ngày 28/09/2016; cháu Đoàn Thúy L (nữ), sinh ngày

27/01/2019 cho anh Đoàn Văn R trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu G, Q, L đủ 18 tuổi.

Chị Phạm Thị Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Đoàn Thanh G, cháu Đoàn Thúy Q; cháu Đoàn Thúy L thì anh R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: gồm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), chị C được nhận 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); anh R được nhận 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Do chị C đang quản lý số tiền nêu trên, nên buộc chị C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho anh R số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đoàn Văn R có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị C phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ chung:

+ Nợ Ngân hàng C1 – Phòng giao dịch thị xã V số tiền là 20.472.412 đồng (hai mươi triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười hai đồng). Trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), nợ lãi 472.412 đồng (bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười hai đồng);

Buộc chị Phạm Thị Ngọc C trả cho Ngân hàng C1 số tiền còn nợ là 10.236.206 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Buộc anh Đoàn Văn R trả cho Ngân hàng C1 số tiền còn nợ là 10.236.206 đồng (mười triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 12/12/2024) chị Phạm Thị Ngọc C và anh Đoàn Văn R còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng số 6600000724392262 ngày 20/11/2022.

+ Nợ ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M số tiền 57.221.000 đồng (năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng).

Buộc chị Phạm Thị Ngọc C trả cho ông Trần Đại H số tiền còn nợ là 28.610.500 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Buộc anh Đoàn Văn R trả cho ông Trần Đại H số tiền còn nợ là 28.610.500 đồng (hai mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Đại H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng chị C, anh R phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Ngọc C phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 1.942.335 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tài sản được nhận và thanh toán nợ. Tổng cộng 2.017.335 đồng (hai triệu không trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng). Chị C được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003089 ngày 06/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị C còn phải tiếp tục nộp số tiền là 1.717.335 đồng (một triệu bảy trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Anh Đoàn Văn R phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 1.942.335 đồng (một triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tài sản được nhận và thanh toán nợ. Tổng cộng 2.017.335 đồng (hai triệu không trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng). Anh R được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004897 ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, như vậy anh R còn phải tiếp tục nộp số tiền là 767.335 đồng (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam được miễn tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý.

- Ông Trần Đại H – Chủ Hộ kinh doanh Tân Quang M không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.430.525 đồng (một triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004958 ngày 01/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường Khánh Hòa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng